

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 38/2022/DS -ST

Ngày 27/7/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương;

2. Bà Nguyễn Thị Song Trà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2021/TLST-DS ngày 20/12/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST- DS ngày 20/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2022/QĐST-DS ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T sinh năm 1949, địa chỉ: đường T, phường L, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Lê Hoàng Thị Diệu T1 sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 1, phường L, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 07/01/2022), bà T1 có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Văn Đ sinh năm 1974 và bà Trần Thị H sinh năm 1978, cùng địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Thông qua quan hệ quen biết gần nhà nên ngày 25/5/2019 ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị H có hỏi vay và được bà Lê Thị T đồng ý cho vay số tiền 230.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2019, theo đó thì ông Đ, bà H cam kết trả đủ số tiền 230.000.000 đồng cho bà T khi bà T cần thu hồi lại tiền trong vòng 15 ngày kể từ ngày bà T thông báo cho ông Đ, bà H, hai bên thống nhất cùng ký tên, giấy vay được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản, ông Đ, bà H đã nhận đủ số tiền vay 230.000.000 đồng. Sau đó vào ngày 25/10/2019, ông Đ, bà H tiếp tục vay của bà T số tiền 130.000.000 đồng,

khi vay có lập giấy mượn tiền đề ngày 25/10/2019, hai bên thống nhất cùng ký tên, ông Đ, bà H đã nhận đủ số tiền vay 130.000.000 đồng. Tổng cộng ông Đ, bà H đã vay của bà T 360.000.000 đồng, mặc dù bà T đã đến nhà, gặp và đòi nợ nhiều lần nhưng đến nay ông Đ, bà H vẫn chưa trả được nợ cho bà T. Nay bà Lê Thị T yêu cầu ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị H phải trả cho bà T số tiền 360.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/11/2021 với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là 11.952.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 371.952.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị H phải trả cho bà T số tiền 360.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/11/2021 với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là 11.952.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 371.952.000 đồng:

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 02 Giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2019 và ngày 25/10/2019 có nội dung và chữ ký tên Phạm Văn Đ và Trần Thị H vay mượn số tiền 230.000.000 đồng và 130.000.000 đồng của bà Lê Thị T, đồng thời nguyên đơn có nộp Giấy đòi nợ đề ngày 24/6/2021 do bà T lập được gửi cho ông Đ, bà H và yêu cầu ông Đ, bà H phải trả 360.000.000 đồng cho bà T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà T thông báo cho ông Đ, bà H. Theo chứng từ bưu điện do bà T cung cấp thì Giấy đòi nợ đề ngày 24/6/2021 đã giao nhận thành công cho ông Đ ngày 25/6/2021. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn Đ và Trần Thị H nhưng trong thời hạn quy định, ông Đ, bà H không đến Tòa, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến hay phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T từ ông Đ, bà H. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có tại hồ sơ, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chứng minh, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2

Điều 92, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc buộc ông Phạm Văn Đ và Trần Thị H phải trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/11/2021 là 04 tháng với mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) cụ thể 360.000.000 đồng x 04 tháng x 0,83%/tháng là 11.952.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 371.952.000 đồng (Ba trăm bảy mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ và Trần Thị H phải chịu 18.597.600 đồng (Mười tám triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng). Bà Lê Thị T trên 60 tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly